

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

HỒ VĂN NHÀN

**TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ
CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN
HÀNH KHÁCH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP TAXI**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 62.34.30. 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2010

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. GS. TS Nguyễn Đình Đỗ**
- 2. TS Lưu Đức Tuyên**

Phản biện 1: **PGS. TS Nguyễn Minh Phương**

Phản biện 2: **PGS. TS Đặng Văn Thanh**

Phản biện 3: **PGS. TS Nguyễn Minh Thành**

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp nhà nước họp tại: Học viện Tài chính

Vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiệu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Tài chính

CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

- 1- Hồ Văn Nhân (2009), “Nội dung chi phí vận chuyển hành khách trong doanh nghiệp Taxi”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính-Kế toán*, 4(69), tr. 69-72.
- 2- Hồ Văn Nhân (2009), “Xây dựng tài khoản kế toán chi tiết trong công tác kế toán quản trị chi phí kinh doanh và giá thành dịch vụ vận chuyển hành khách”, *Tạp chí Kế toán*, (77), tr. 38-39.
- 3- Hồ Văn Nhân (2004), “Về chỉ tiêu giá thành trong kế toán quản trị”, *Tạp chí Kế toán*, (51), tr. 46-47.
- 4- Hồ Văn Nhân (2004), “Một số thay đổi trong kế toán ngoại tệ khi thực hiện VAS 10”, *Tạp chí Kế toán*, (48), tr. 46-47.
- 5- Hồ Văn Nhân (2002), “Về hạch toán thuế giá trị gia tăng được khấu trừ”, *Tạp chí Kế toán*, (38), tr. 205-206.

MỞ ĐẦU

1-Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Hiện nay, nước ta đã có nhiều doanh nghiệp (DN) taxi khách đang hoạt động kinh doanh, phục vụ nhu cầu di chuyển của người dân. Trong các DN taxi khách, công tác kế toán đã được tổ chức thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, công tác kế toán chỉ dừng lại ở kế toán tài chính. Việc tổ chức hệ thống kế toán quản trị chưa được nhận thức và quan tâm đầy đủ, trong đó có kế toán quản trị chi phí và giá thành.

Tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành là nội dung quan trọng và trung tâm của tổ chức công tác kế toán quản trị nói riêng và tổ chức công tác kế toán nói chung trong các doanh nghiệp taxi khách. Tuy nhiên, công tác này hiện nay trong các DN taxi khách còn chưa có tính hệ thống và kế toán còn nhiều lúng túng.

Bên cạnh đó, các tài liệu về công tác kế toán quản trị chi phí hiện nay xét về mặt lý luận còn mang tính tổng quát, chưa vận dụng cụ thể vào loại hình DN dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ taxi khách, từ đó có những khó khăn, lúng túng cho các nhà quản trị DN taxi khách trong việc lập kế hoạch, điều hành, kiểm soát chi phí trong DN mình.

Với những phân tích trên đây đã cho thấy đề tài của luận án có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2- Mục đích nghiên cứu của đề tài

Về lý luận: luận án hệ thống hoá những vấn đề lý luận về tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành trong DN, từ đó vận dụng vào lĩnh vực dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách.

Về thực tiễn: luận án khảo sát và đánh giá thực trạng về tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện các nội dung tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách.

3- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Về lý luận: luận án nghiên cứu các nội dung về tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển.

Về thực tiễn: luận án khảo sát, nghiên cứu và tìm hiểu về thực tế tại các DN có hoạt động vận chuyển taxi khách. Phạm vi của đề tài là nghiên cứu những nội dung về tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển hành khách trong các DN taxi khách ở Việt Nam mà hệ thống phương tiện vận chuyển là do DN đầu tư và giao cho lái xe khai thác.

4- Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

Đề tài được thực hiện nhằm củng cố, hệ thống hóa và góp phần làm sáng tỏ lý luận về những nội

dung tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển.

Thông qua việc khảo sát thực tế tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển hành khách trong các DN taxi khách, luận án đã đánh giá và phân tích thực trạng, chỉ rõ những ưu, nhược điểm của tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành trong các DN taxi khách.

Luận án đề xuất các giải pháp chủ yếu để xây dựng và hoàn thiện một cách đầy đủ và toàn diện những nội dung về tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách.

5- Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án gồm 3 chương:

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN

1.1- SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH TRONG DN

Trong phần này, luận án đã phân tích và khẳng định: tổ chức công tác kế toán quản trị là một bộ phận của tổ chức công tác kế toán nói chung; kế toán quản trị chi phí và giá thành là khâu trọng tâm, xuyên suốt toàn bộ công tác kế toán của đơn vị; kế toán quản trị chi phí và giá thành phục vụ cho yêu cầu quản lý chi phí, quản lý giá thành trên cơ sở quản lý mức độ giới hạn chi phí để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD).

1.2- KHÁI QUÁT VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH

Kế toán quản trị chi phí và giá thành trong DN bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Ghi nhận, lượng hóa và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí và tính các chỉ tiêu giá thành.

- Phân loại, hệ thống hóa và tập hợp các nghiệp vụ liên quan đến chi phí để ghi sổ và tính các chỉ tiêu giá thành tổng hợp và chi tiết.

- Xác định các thành phần của chi phí; tính toán, tổng hợp chi phí; tính giá thành chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng loại công trình, dịch vụ.

- Xây dựng các dự toán chi phí, tổ chức phân tích chi phí và các chỉ tiêu giá thành.

- Kiểm soát quá trình thực hiện và giải trình các nguyên nhân chênh lệch chi phí giữa dự toán với thực tế, giữa các thời kỳ, . . .

1.3- KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI CHI PHÍ DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN

1.3.1- Khái niệm và nội dung chi phí dịch vụ vận chuyển

Chi phí dịch vụ vận chuyển là những chi phí cần thiết để tổ chức hoạt động SXKD dịch vụ vận chuyển trong một thời kỳ nhất định.

Nội dung của chi phí trong các DN dịch vụ vận chuyển gồm: tiền lương và các khoản trích theo lương của lái xe, nhân viên kỹ thuật, nhân viên bảo dưỡng, cán bộ quản lý; chi phí nhiên liệu: là các hao phí về xăng dầu, nhớt . . . cần cho quá trình vận chuyển; chi phí vật liệu, phụ tùng thay thế; chi phí sửa chữa; chi phí công cụ dụng cụ; chi phí khấu hao TSCĐ vận chuyển và các TSCĐ khác; chi phí dịch vụ mua ngoài; các khoản chi phí khác.

1.3.2- Phân loại chi phí dịch vụ vận chuyển

Trong phần này, luận án đã trình bày việc phân loại chi phí trong các DN kinh doanh dịch vụ vận

chuyển theo các tiêu thức phân loại như: phân loại chi phí theo chức năng hoạt động kết hợp với theo mục đích và công dụng; phân loại theo mối quan hệ với báo cáo tài chính; phân loại chi phí căn cứ vào mối quan hệ của chi phí với quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm và quá trình kinh doanh; phân loại theo cách ứng xử của chi phí với mức hoạt động; phân loại chi phí theo thẩm quyền ra quyết định; phân loại theo mối quan hệ và khả năng quy nạp chi phí vào các đối tượng kế toán chi phí; phân loại chi phí trong quá trình lựa chọn phương án

1.4- KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN

1.4.1- Đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành dịch vụ vận chuyển

- Đối tượng tập hợp chi phí trong DN kinh doanh dịch vụ vận chuyển có thể là: nơi phát sinh chi phí (các đội xe, các bộ phận chức năng...); đối tượng chịu chi phí (công việc, dịch vụ, hoặc loại xe, . . .)

- Đối tượng tính giá thành tong các DN kinh doanh dịch vụ vận chuyển chính là khối lượng dịch vụ vận chuyển đã cung cấp cho khách hàng.

1.4.2- Kế toán tập hợp chi phí dịch vụ vận chuyển

Trong phần này, luận án trình bày phương pháp kế toán tập hợp chi phí dịch vụ vận chuyển đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực

tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN.

1.4.3- Phân bổ chi phí sản xuất chung

Để phân bổ chi phí sản xuất chung cho các đối tượng có liên quan, luận án đã trình bày ba mô hình phân bổ được áp dụng phổ biến hiện nay gồm: mô hình sử dụng một tiêu chuẩn phân bổ duy nhất, mô hình phân bổ theo bộ phận, mô hình phân bổ theo đơn vị hoạt động (mô hình ABC).

1.4.4- Giá thành dịch vụ vận chuyển

Một cách chung nhất, giá thành sản phẩm, dịch vụ là chi phí SXKD tính cho một khối lượng hoặc một đơn vị sản phẩm, dịch vụ.

- Nếu căn cứ vào thời điểm và cơ sở số liệu tính giá thành thì giá thành của DN gồm các loại: giá thành kế hoạch, giá thành định mức, giá thành thực tế.

- Nếu căn cứ vào phạm vi các chi phí cấu thành thì giá thành bao gồm giá thành sản xuất và giá thành tiêu thụ. Giá thành sản xuất gồm giá thành sản xuất theo biến phí, giá thành sản xuất toàn bộ, giá thành sản xuất toàn bộ có phân bổ hợp lý định phí sản xuất chung. Giá thành tiêu thụ gồm giá thành tiêu thụ theo biến phí, giá thành tiêu thụ toàn bộ.

1.4.5- Tổ chức hệ thống sổ kế toán trong kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển

Trong phần này, luận án đã trình bày các loại sổ kế toán tổng hợp và chi tiết được sử dụng để tập hợp

các loại chi phí trong kế toán quản trị chi phí và giá thành. Các loại chi phí gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN.

1.5- LẬP DỰ TOÁN CHI PHÍ VÀ PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI PHÍ DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN

- Trong phần này, luận án trình bày các nội dung cơ bản về công tác lập dự toán chi phí trong DN. Luận án đã trình bày phương pháp lập và các chỉ tiêu được sử dụng trong việc lập các bản dự toán như: dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, dự toán chi phí nhân công trực tiếp, dự toán chi phí sản xuất chung, dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN.

- Tùy theo cách ứng xử của chi phí là biến phí hay định phí mà có phương pháp phân tích tình hình thực hiện dự toán chi phí cho thích hợp. Luận án đã trình bày nội dung và phương pháp phân tích tình hình thực hiện dự toán chi phí tương ứng với chi phí là biến phí hay định phí.

1.6- BÁO CÁO KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN

Để cung cấp thông tin về chi phí và giá thành trong DN, kế toán quản trị có thể sử dụng các loại báo cáo sau: báo cáo chi phí theo yếu tố, báo cáo chi phí sản xuất và giá thành, báo cáo giá thành bộ phận, báo cáo kế hoạch sản xuất, báo cáo sản xuất, báo cáo dự

toán chi phí, báo cáo kiểm soát chi phí thực tế với dự toán, . . .

1.7- ĐỊNH GIÁ BÁN DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN DỰA VÀO THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH

1.7.1- Khái niệm về giá cả

1.7.2- Các mục tiêu cơ bản của chính sách giá cả

1.7.3- Các yếu tố cần xem xét đối với chính sách giá

1.7.4- Các phương pháp định giá bán cơ bản

- Các phương pháp định giá hướng vào DN: bao gồm phương pháp định giá cộng thêm vào chi phí, định giá theo lợi nhuận mục tiêu.

- Phương pháp định giá hướng ra thị trường: bao gồm phương pháp định giá theo giá trị cảm nhận, định giá theo giá cạnh tranh.

1.7.5- Định giá bán dịch vụ vận chuyển dựa vào thông tin kế toán quản trị chi phí và giá thành

Kế toán quản trị chi phí và giá thành sẽ lập các báo cáo ở dạng có thể so sánh được để so sánh chi phí giữa dự toán với thực tế; so sánh chi phí thực tế giữa các kỳ nhằm cung cấp thông tin để nhà quản lý có thể kiểm soát được chi phí, tiến đến điều chỉnh, định giá lại sản phẩm dịch vụ cho thích hợp ở từng kỳ.

Kế toán quản trị chi phí và giá thành sẽ cung cấp thông tin về nhiều loại giá thành khác nhau để phục vụ cho yêu cầu định giá sản phẩm dịch vụ theo từng mục tiêu khác nhau ở mỗi thời kỳ của DN.

- Đối với trường hợp định giá trước khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng: kế toán quản trị chi phí và giá thành sẽ cung cấp thông tin thông qua việc dự toán các chi phí trong kỳ hoạt động dựa vào các định mức về chi phí.

- Đối với trường hợp tái định giá dịch vụ: kế toán quản trị chi phí và giá thành sẽ cung cấp những thông tin về chi phí đã tập hợp được trong các kỳ kinh doanh đã qua, từ đó tính ra được các loại giá thành thực tế cho nhà quản lý; và dự toán những thay đổi về chi phí trong tương lai để phục vụ cho nhà quản lý trong công tác định giá.

Chương 2
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ
TOÁN
QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH DỊCH VỤ
VẬN
CHUYỂN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP TAXI
KHÁCH

2.1- KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÁC DN KINH
DOANH DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN TAXI
KHÁCH

2.1.1- Đặc điểm kinh doanh dịch vụ vận chuyển taxi khách

2.1.2- Tổ chức SXKD và quản lý trong các DN taxi khách

2.1.3- Tổ chức kế toán trong các DN taxi khách

Công tác kế toán trong các DN taxi khách tuân thủ theo Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán DN và các quy định, quy chế quản lý tài chính của Nhà nước. Chế độ kế toán áp dụng trong các DN taxi khách hiện hành được thực hiện theo nội dung của Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Về mô hình tổ chức công tác kế toán: bộ máy kế toán chủ yếu được tổ chức theo mô hình tập trung.

Về hình thức sổ kế toán: hầu hết các DN áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ và Nhật ký chung.

2.2- THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN TRONG CÁC DN TAXI KHÁCH

2.2.1- Nội dung chi phí dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách

Chi phí SXKD của các DN taxi khách bao gồm:

- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương: chi phí này thường chiếm khoảng 24% đến 30% tổng chi phí của DN, tùy từng DN và tùy từng thời kỳ.

- Chi phí nhiên liệu: chi phí này thường chiếm khoảng 30% đến 45% tổng chi phí của DN, tùy từng DN và tùy từng thời kỳ.

- Chi phí công cụ dụng cụ: bao gồm công cụ dụng cụ quản lý văn phòng và công cụ dụng cụ phục vụ cho công tác duy tu, sửa chữa phương tiện vận chuyển.

- Chi phí vật tư và phụ tùng thay thế: đây là những chi phí phát sinh khá thường xuyên trong các DN taxi khách do nhu cầu bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện vận chuyển.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: bao gồm khấu hao phương tiện vận chuyển, văn phòng làm việc, nhà xưởng sửa chữa và các tài sản cố định dùng trong

quản lý. Chi phí khấu hao tài sản cố định thường chiếm khoảng 15% đến 25% tổng chi phí của DN, tùy từng DN và tùy từng thời kỳ.

- Chi phí mua ngoài: bao gồm chi phí điện nước, chi phí điện thoại, chi phí thuê văn phòng, thuê nhà xưởng, chi phí này chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí của các DN.

- Các khoản phí, lệ phí, thuế: bao gồm thuế môn bài, thuế nhà đất dùng làm văn phòng quản lý và xưởng sửa chữa, chi phí bảo hiểm ô tô, phí đăng kiểm xe, phí tần số, lệ phí đường bộ . . .

- Các chi phí khác: bao gồm chi phí khuyến mãi, chi phí lãi vay, chi phí tiếp khách, giao tế . . . các khoản chi phí này gồm nhiều nội dung, khó kiểm soát và thường không ổn định qua các kỳ.

2.2.2- Phân loại chi phí dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách

Để phục vụ yêu cầu quản lý DN, các DN taxi khách đã phân loại chi phí theo các tiêu thức như sau: phân loại theo bản chất chi phí, theo đó chi phí gồm có chi phí nhân công, chi phí vật liệu, nhiên liệu, chi phí công cụ, dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, chi phí mua ngoài, chi phí khác bằng tiền; phân loại theo công dụng chi phí, theo đó chi phí gồm có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN.

2.2.3- Tổ chức vận dụng chế độ chứng từ kế toán trong kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách

Các DN taxi khách đã vận dụng chế độ chứng từ kế toán theo chế độ kế toán hiện hành, bao gồm các chứng từ kế toán bắt buộc theo chế độ kế toán DN và hệ thống chứng từ kế toán theo qui định riêng của từng DN, nhằm phục vụ cho công tác kế toán nói chung và kế toán quản trị chi phí và giá thành nói riêng.

Ngoài ra, các DN taxi khách còn xây dựng, thiết kế các chứng từ kế toán nội bộ, nhằm thu thập và cung cấp các thông tin liên quan đến kế toán quản trị chi phí và giá thành. Nội dung, kết cấu và qui tắc về lập, luân chuyển loại chứng từ nội bộ đa dạng, linh hoạt và phong phú theo yêu cầu quản lý của từng DN.

2.2.4- Kế toán tập hợp chi phí dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách

- Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí dịch vụ vận chuyển: hiện nay, trong các DN taxi khách, chi phí sản xuất được tập hợp cho các đối tượng chịu chi phí có khác nhau ở từng DN. Có DN xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là tất cả các xe trong toàn DN, có DN xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đội xe.

Đối với chi phí ngoài sản xuất (chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN), các DN taxi khách đều xác định đối tượng tập hợp chi phí là toàn DN.

- Phương pháp kế toán tập hợp chi phí dịch vụ vận chuyển: trong nội dung này, luận án phản ánh các tài khoản và phương pháp mà kế toán các DN taxi khách sử dụng để tập hợp chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển, chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN.

2.2.5- Tính giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách

- Đối tượng tính giá thành: các DN taxi khách xác định đối tượng tính giá thành là khối lượng dịch vụ vận chuyển đã cung cấp cho khách hàng.

- Phương pháp tính giá thành: do sản phẩm của taxi khách là dịch vụ và không có sản phẩm dở dang, đối tượng tập hợp chi phí phù hợp với đối tượng tính giá thành, nên kế toán các DN taxi khách đều sử dụng phương pháp giản đơn để tính giá thành sản phẩm.

Trong quản lý chi phí, các DN taxi khách chỉ thực hiện hạch toán chi phí và tính giá thành phục vụ cho việc xác định kết quả lãi lỗ. Còn công tác lập dự toán chi phí và phân tích chi phí hầu như các DN đều chưa quan tâm đến.

2.2.6- Sử dụng thông tin chi phí để định giá bán dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách

- Định giá bán dịch vụ vận chuyển một chiều: các yếu tố được sử dụng để định giá bán gồm: chi phí nhiên liệu, chi phí tiền lương lái xe, chi phí khấu hao phương tiện vận chuyển, chi phí vật tư, phụ tùng thay thế, chi phí bán hàng và quản lý DN, chi phí lãi vay, lợi nhuận mong muốn.

- Định giá bán dịch vụ taxi khách khi vận chuyển khứ hồi: nguyên tắc chung tại các DN taxi khách khi sử dụng chi phí để xác định giá bán trong trường hợp này là khi vận chuyển khách ra ngoài thành với quãng đường dài thì DN taxi khách sẽ tận dụng được thời gian rồi phải chờ khách của xe và lái xe. Mặt khác, vì vận chuyển khứ hồi nên sẽ không có tình trạng xe vận hành không có khách, các chi phí phát sinh cả chiều đi và chiều về đều có doanh thu để bù đắp, do đó các chi phí và lợi nhuận mong muốn tính cho 1 km vận chuyển khứ hồi chỉ bằng khoảng 50% đến 60% so với các chi phí và lợi nhuận mong muốn được sử dụng trong định giá bán dịch vụ vận chuyển một chiều trong nội thành.

2.3- ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN TRONG CÁC DN TAXI KHÁCH

2.3.1- Ưu điểm

- Các DN taxi khách đều tổ chức mô hình kế toán tập trung là phù hợp với đặc điểm tổ chức SXKD và yêu cầu quản lý.

- Nhìn chung, hệ thống sổ kế toán phục vụ cho công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển ở các DN taxi khách được tổ chức khá hợp lý, có tính chất đồng bộ, thống nhất, sổ kế toán ghi chép rõ ràng.

- Hệ thống chứng từ ban đầu đều được lập theo chế độ ban hành của nhà nước; đều được kiểm tra về nội dung ghi chép, về số liệu phản ánh trước khi chuyển về cho phòng kế toán.

- Kế toán các DN taxi khách đã vận dụng và bổ sung tương đối phù hợp hệ thống tài khoản kế toán của chế độ kế toán hiện hành.

- Kế toán các DN taxi khách đều thực hiện phân bổ các chi phí phát sinh có giá trị lớn cho nhiều kỳ kế toán.

- Kế toán ở các DN taxi khách đã xác định được đối tượng tập hợp chi phí dịch vụ vận chuyển là từng đội xe hoặc tất cả các xe trong DN; đối tượng tính giá thành là khối lượng dịch vụ vận chuyển đã cung cấp cho hành khách trong kỳ.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định được thực hiện đúng theo quy định của nhà nước, thời gian khấu hao đã đảm bảo tính đúng được hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình của tài sản cố định.

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ kế toán được đào tạo khá chuyên sâu nên đã tổ chức khá tốt công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành.

2.3.2- Nhược điểm và tồn tại

Mặc dù công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách đã có những ưu điểm được trình bày trên đây, song công tác này còn bộc lộ những hạn chế, tồn tại cần khắc phục, cụ thể như sau:

- Công tác tổ chức theo dõi, tập hợp chi phí dịch vụ vận chuyển ở một số DN taxi khách còn chưa chi tiết, đầy đủ và đúng bản chất của chi phí.

- Một số DN taxi khách xác định đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành dịch vụ vận chuyển chưa hợp lý.

- Công tác hạch toán kế toán một số nội dung chi phí chưa đúng bản chất chi phí cũng như nơi gánh chịu chi phí và chức năng của chi phí.

- Kế toán các DN taxi khách phân bổ các khoản định phí đều cho các kỳ kế toán, nhất là khấu hao phương tiện vận chuyển, là chưa phù hợp với đặc điểm SXKD theo mùa vụ của kinh doanh taxi khách.

- Hầu hết các DN taxi khách đều chưa phân loại chi phí dịch vụ vận chuyển theo cách ứng xử.

- Công tác lập dự toán chi phí và giá thành; công tác phân tích tình hình thực hiện dự toán chi phí và giá thành và phân tích chi phí và giá thành giữa các kỳ kế toán với nhau chưa được thực hiện.

2.4- KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH Ở MỘT SỐ NƯỚC CÓ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG PHÁT TRIỂN

Trong phần này, luận án đã khái quát kế toán quản trị chi phí và giá thành ở các nước phát triển như Pháp, Mỹ. Với kế toán quản trị ở Pháp, luận án tập trung phản ánh các vấn đề cơ bản như: tổ chức kế toán quản trị, phân loại chi phí phục vụ yêu cầu quản lý DN, kế toán phân tích với việc tính giá thành sản

phẩm. Với kế toán quản trị ở Mỹ, luận án tập trung phân ánh các vấn đề cơ bản như: tổ chức kế toán quản trị, phân loại chi phí phục vụ yêu cầu quản lý DN.

Trên cơ sở nghiên cứu kế toán quản trị chi phí và giá thành ở các nước phát triển, luận án đã hệ thống được những bài học kinh nghiệm và hướng vận dụng kế toán quản trị chi phí và giá thành vào Việt Nam.

Chương 3
HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH DỊCH VỤ
VẬN
CHUYỂN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP TAXI
KHÁCH

3.1- SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN TRONG CÁC DN TAXI KHÁCH

3.1.1- Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách

Trong phần này, luận án đã tập trung phân tích và trình bày bảy lý do cơ bản để cho thấy sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách.

3.1.2- Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách

Để đáp ứng được yêu cầu của quản trị DN, kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách cần được hoàn thiện theo một số yêu cầu và nguyên tắc nhất định. Luận án đã tập trung phân tích năm yêu cầu và ba nguyên tắc cơ bản cần được đảm bảo khi thực hiện hoàn thiện kế toán

quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách.

3.2- NỘI DUNG HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN TRONG CÁC DN TAXI KHÁCH

3.2.1- Xây dựng mô hình tổ chức kế toán quản trị chi phí và giá thành

Mô hình tổ chức kế toán quản trị hiện nay có thể thực hiện theo một trong ba mô hình: mô hình kết hợp, mô hình tách biệt và mô hình hỗn hợp giữa kế toán tài chính với kế toán quản trị.

Theo quan điểm của tác giả, các DN taxi khách nên vận dụng mô hình kết hợp giữa kế toán tài chính với kế toán quản trị. Để lý giải cho quan điểm của tác giả, luận án đã trình bày năm lý do xác đáng để các DN taxi khách áp dụng mô hình kết hợp giữa kế toán tài chính với kế toán quản trị.

3.2.2- Hoàn thiện phân loại chi phí dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách

Để đáp ứng được yêu cầu quản trị DN, kế toán quản trị chi phí và giá thành trong các DN taxi cần phân loại chi phí dịch vụ vận chuyển theo nhiều tiêu thức khác nhau, các tiêu thức phân loại được trình bày

trong luận án đó là: phân loại theo công dụng của chi phí, phân loại theo chức năng hoạt động của chi phí, phân loại theo cách ứng xử của chi phí với mức hoạt động, phân loại theo thẩm quyền ra quyết định, phân loại theo khả năng quy nạp chi phí vào các đối tượng kế toán chi phí, phân loại căn cứ vào mối quan hệ với quy trình công nghệ cung cấp dịch vụ và quá trình kinh doanh, phân loại theo quá trình lựa chọn phương án. Mỗi tiêu thức phân loại đều được trình bày ý nghĩa và vai trò của chúng.

3.2.3- Hoàn thiện công tác xác định đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành dịch vụ vận chuyển taxi khách

- Luận án đã đề xuất đối tượng tập hợp chi phí dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách phải nên là từng đội xe dựa vào số chỗ ngồi của xe hoặc từng loại dịch vụ vận chuyển mà đội xe cung cấp.

- Đối tượng tính giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách là nên là khối lượng dịch vụ vận chuyển đã cung cấp cho hành khách của từng đội xe, đơn vị tính giá thành là km vận chuyển hành khách của từng đội.

3.2.4- Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí

Trên cơ sở đối tượng tập hợp chi phí đã được xác định, trong phần này, luận án đã đề xuất các phương

pháp để kế toán tập hợp chi phí trong các DN taxi khách, bao gồm kế toán tập hợp chi phí nhiên liệu trực tiếp, kế toán tập hợp chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của lái xe, kế toán tập hợp các chi phí sản xuất chung, kế toán tập hợp chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN.

3.2.5- Hoàn thiện phương pháp tính giá thành dịch vụ vận chuyển

Trong phần này, luận án hoàn thiện phương pháp tính giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách:

- Nếu sử dụng phương pháp tính giá toàn bộ để xác định giá thành cung cấp dịch vụ thì:

$$\frac{\text{Tổng giá thành dịch vụ taxi đội xe } i}{\text{Tổng chi phí sản xuất phát sinh của đội xe } i} =$$

- Nếu sử dụng phương pháp tính giá trực tiếp để xác định giá thành cung cấp dịch vụ thì giá thành cung cấp dịch vụ chỉ bao gồm chi phí nhiên liệu trực tiếp, chi phí tiền lương và kinh phí công đoàn phải trích của lái xe, chi phí sảm lốp, phụ tùng thay thế.

- Luận án cũng lý giải sự cần thiết và đã đề xuất phương pháp xác định số dự bộ phận trong các DN taxi khách.

3.2.6- Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán và chế độ sổ kế toán trong kế toán quản trị chi phí và giá thành

+ Nhóm tài khoản kế toán chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển của các DN taxi khách được hoàn thiện như sau:

- Tài khoản phản ánh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp: Tài khoản cấp 1 bao gồm 3 chữ số, thực hiện theo tài khoản của chế độ kế toán hiện hành. Tài khoản cấp 2 bao gồm 4 chữ số, được sử dụng để phản ánh chi phí theo từng đội xe vận chuyển. Tài khoản cấp 3 bao gồm 5 chữ số, được sử dụng để phản ánh chi phí nhiên liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp theo biến phí, định phí. Tài khoản cấp 4 bao gồm 6 chữ số, được sử dụng để phản ánh chi tiết từng chi phí cụ thể trong biến phí, định phí của chi phí nhiên liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp.

- Tài khoản phản ánh chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN: Tài khoản cấp 1 bao gồm 3 chữ số, thực hiện theo các tài khoản của chế độ kế toán hiện hành. Tài khoản cấp 2 bao gồm 4 chữ số, được sử dụng để phản ánh theo từng yếu tố chi phí, có thể thực hiện theo các tài khoản của chế độ kế toán hiện hành. Tài khoản cấp 3 bao gồm 5 chữ số, được sử dụng để theo dõi biến phí, định phí trong từng yếu tố chi phí. Tài khoản cấp 4 bao gồm 6 chữ số, được sử dụng để phản ánh chi tiết từng biến phí, định phí cụ thể trong từng yếu tố chi phí.

Ngoài ra, kế toán quản trị chi phí và giá thành trong các DN taxi khách có thể xây dựng thêm các tài

khoản cấp 5, cấp 6... theo nguyên tắc trên đây để phục vụ cho việc thu thập, theo dõi, xử lý, cung cấp thông tin chi phí nhằm thỏa mãn yêu cầu quản lý của DN.

+ Hướng hoàn thiện và xây dựng các sổ kế toán trong kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách được tác giả kiến nghị xây dựng và mở thêm các sổ kế toán chi tiết sau: Bảng kê tổng hợp nhiên liệu tiêu hao, Sổ theo dõi khối lượng dịch vụ của lái xe, Sổ định mức và dự toán chi phí, Sổ chi tiết chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, Sổ chi tiết chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN.

3.2.7- Hoàn thiện công tác lập dự toán chi phí dịch vụ vận chuyển

- Lập dự toán chi phí nhiên liệu trực tiếp: đối với từng đội xe do có định mức tiêu hao nhiên liệu khác nhau nên cần phải lập dự toán chi phí nhiên liệu trực tiếp cho từng đội xe. Để lập dự toán chi phí nhiên liệu trực tiếp cần phải dựa vào số km dự kiến lăn bánh của từng đội xe trong kỳ kế hoạch, định mức tiêu hao nhiên liệu và đơn giá nhiên liệu.

- Lập dự toán chi phí nhân công trực tiếp: dự toán chi phí nhân công trực tiếp bao gồm dự toán chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của lái xe. Chi phí tiền lương của lái xe được dựa vào doanh số dự kiến thực hiện trong kỳ kế hoạch của từng đội xe và tỷ lệ % phân chia cho lái xe. Đối với các khoản trích theo lương như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

do được trích trên lương cơ bản nên có đặc điểm là định phí, không phụ thuộc vào mức độ hoạt động của DN. Kinh phí công đoàn được trích trên tiền lương thực tế, do vậy chúng cũng sẽ biến động theo sự biến động của tiền lương.

- Lập dự toán chi phí sản xuất chung: để dự toán biến phí sản xuất chung cần xác định nhân tố thích hợp làm phát sinh biến phí sản xuất chung, từ đó xác định đơn giá phân bổ biến phí sản xuất chung để dự toán. Đối với định phí sản xuất chung, do định phí sản xuất chung có xu hướng ổn định qua các kỳ nên cần căn cứ vào số liệu thống kê kết hợp những dự kiến cụ thể trong kỳ kế hoạch để lập dự toán.

- Lập dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN: phương pháp lập tương tự như dự toán chi phí sản xuất chung.

3.2.8- Hoàn thiện công tác phân tích tình hình thực hiện dự toán chi phí

Luận án đề xuất nội dung phương pháp phân tích tình hình thực hiện dự toán chi phí trong các DN taxi khách như sau:

- Đối với biến phí: sự biến động của biến phí được phân tích thành sự biến động của hai nhân tố là biến động về lượng và biến động về giá. Mô hình tổng quát để phân tích các biến phí là: chia các nhân tố ảnh hưởng thành nhân tố lượng và nhân tố giá; sắp xếp các nhân tố theo hướng giảm dần của nhân tố lượng và nhân tố giá. Khi xem xét sự tác động của nhân tố về

lượng thì phải cố định nhân tố giá ở kỳ gốc (kỳ kế hoạch), khi xem xét sự tác động của nhân tố về giá thì phải cố định nhân tố lượng ở kỳ phân tích (kỳ thực tế).

- Đối với các chi phí là định phí: cần xem nội dung cụ thể của từng chi phí và xác định phương pháp phân tích thích hợp.

3.2.9- Hoàn thiện phương pháp định giá bán dịch vụ taxi khách dựa vào thông tin kế toán quản trị chi phí và giá thành

Khi định giá bán sản phẩm dựa trên cơ sở chi phí thì các DN taxi khách nên sử dụng phương pháp chi phí tăng thêm.

Công thức tổng quát là: $P = C_b + C_p$

Trong đó, P: giá bán; C_b : chi phí nền; C_p : số tiền tăng thêm

Mô hình trên đây được sử dụng để định giá bán dịch vụ taxi khách vận chuyển một chiều với lợi nhuận mong muốn, định giá bán dịch vụ taxi khách vận chuyển khứ hồi với lợi nhuận mong muốn, và định giá trong điều kiện cạnh tranh để gia tăng thị phần.

3.3- ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN TRONG CÁC DN TAXI KHÁCH

3.3.1- Đối với Nhà nước và các cơ quan chức năng

Luận án đã kiến nghị với Nhà nước và các cơ quan chức năng như Bộ Tài chính, Hội Kế toán Việt Nam, các cơ sở nghiên cứu và đào tạo về kế toán những điều kiện cần thiết có liên quan nhằm giúp các DN taxi khách hoàn thiện công tác kế toán quản trị nói chung và kế toán quản trị chi phí và giá thành nói riêng. Các điều kiện bao gồm việc tạo hành lang pháp lý; hoàn thiện các chính sách tài chính, kế toán; ban hành tài liệu hướng dẫn; biên soạn giáo trình, chương trình đào tạo hợp lý;...

3.3.2- Đối với các DN taxi khách

Luận án đã kiến nghị với các DN taxi khách những điều kiện cần thiết có liên quan nhằm hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành. Các điều kiện được đề xuất bao gồm nâng cao nhận thức của lãnh đạo DN về kế toán quản trị; hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế, quản lý hoạt động SXKD của DN; hoàn thiện chế độ kế toán áp dụng tại DN; bồi dưỡng kiến thức kế toán cho cán bộ; tranh thủ kinh nghiệm và kiến thức về kế toán của chuyên gia; . . .

KẾT LUẬN

Với phạm vi và đối tượng nghiên cứu của luận án, luận án đã đạt được các kết quả nghiên cứu cơ bản sau:

- Luận án đã đi sâu vào nghiên cứu bản chất của kế toán quản trị chi phí và giá thành, đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu để phân tích, hệ thống hóa những vấn đề lý luận về kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển trên cơ sở tìm hiểu, tham khảo những tài liệu về kế toán quản trị của các nhà khoa học, các chuyên gia kế toán và chế độ kế toán hiện hành nhằm mục đích xây dựng hệ thống lý luận cho việc nghiên cứu và giải quyết những nội dung tiếp theo.

- Luận án đã phản ánh đầy đủ, toàn diện và trung thực thực trạng về những nội dung của tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển của các DN taxi khách thông qua việc khảo sát, điều tra thực tế tại các DN này.

- Luận án đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của thực trạng tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách, từ đó chỉ ra những hạn chế cần khắc phục trong công tác này.

- Luận án đã phân tích sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách.

Luận án đã trình bày được các yêu cầu, nguyên tắc và mục tiêu hoàn thiện các nội dung về tổ chức kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách.

- Luận án đã trình bày các giải pháp hoàn thiện từng nội dung cụ thể của tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách.

- Luận án đã trình bày những kiến nghị về các điều kiện cần thiết đối với Nhà nước, các cơ quan chức năng và đối với các DN taxi khách để thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí và giá thành dịch vụ vận chuyển trong các DN taxi khách.

Với những kết quả nghiên cứu nêu trên, luận án đã đạt được mục tiêu và yêu cầu nghiên cứu đã đặt ra. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu do nhiều điều kiện hạn chế nên luận án không tránh khỏi thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được ý kiến góp ý từ quý thầy cô, các nhà nghiên cứu và các đồng nghiệp để luận án được hoàn chỉnh hơn.